

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 88/2014/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Căn cứ Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 23 tháng 4 năm 2009 (sau đây gọi tắt là “Hiệp định”);

Căn cứ Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15 tháng 9 năm 2010 (sau đây gọi tắt là “Nghị định thư”);

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư về tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ hoạt động qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải người và hàng hóa bằng đường bộ qua lại biên giới giữa hai nước Việt Nam và Lào.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE

Điều 3. Quy định đối với phương tiện

1. Phương tiện được cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào là xe ô tô bao gồm: xe ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo ô tô và phương tiện chuyên dùng lưu thông trên đường bộ có Giấy đăng ký phương tiện và biển số do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp. Phương tiện bao gồm phương tiện thương mại và phương tiện phi thương mại.

2. Phương tiện thương mại bao gồm:

- Xe ô tô vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Xe ô tô vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch;
- Xe ô tô vận tải hàng hóa;
- Xe ô tô chuyên chở người, hàng hóa và xe máy chuyên dùng lưu thông trên đường bộ phục vụ các công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào (không bao gồm xe ô tô và xe máy chuyên dùng sang Lào chủ yếu phục vụ thi công công trình, thời gian phục vụ thi công trên 30 ngày và kết thúc công trình mới về nước).

3. Phương tiện phi thương mại bao gồm:

a) Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế đi công tác, xe ô tô cứu hỏa, xe ô tô cứu thương, xe ô tô cứu hộ, xe ô tô thực hiện sứ mệnh nhân đạo (gọi chung là xe công vụ);

b) Xe ô tô của cá nhân đi việc riêng (chỉ áp dụng đối với xe ô tô chở người dưới 09 chỗ và xe ô tô bán tải (pick-up));

c) Xe ô tô của doanh nghiệp, hợp tác xã đi công tác, tham quan, du lịch.

4. Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.

Điều 4. Thời gian và phạm vi hoạt động của phương tiện

1. Mỗi chuyến đi, phương tiện được phép ở lại lãnh thổ của Bên ký kết kia không quá 30 ngày, kể từ ngày nhập cảnh. Trường hợp quá thời hạn quy định mà có lý do chính đáng sẽ được gia hạn 01 lần với thời gian tối đa không quá 10 ngày.

2. Phạm vi hoạt động: các phương tiện được phép hoạt động tại các tỉnh, thành phố của Bên ký kết kia và qua lại các cặp cửa khẩu theo quy định tại Nghị định thư.

3. Phương tiện không được phép vận tải hàng hóa hoặc hành khách giữa hai điểm trong lãnh thổ của Bên ký kết kia.

Điều 5. Quy định về giấy tờ của phương tiện

Khi lưu hành, phương tiện phải có các giấy tờ còn hiệu lực cùng bản dịch tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng quốc gia của nước đến có chứng thực (trừ trường hợp giấy tờ được in song ngữ Việt - Lào hoặc Việt - Anh, Lào - Anh) để trình các cơ quan hữu quan khi được yêu cầu, cụ thể:

1. Các giấy tờ của phương tiện bao gồm:

a) Giấy đăng ký phương tiện;

b) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Giấy phép liên vận;

d) Giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc đối với bên thứ ba;

đ) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập.

2. Đối với phương tiện vận tải hành khách, ngoài quy định tại khoản 1 của Điều này phải có thêm các giấy tờ sau:

a) Danh sách hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách theo tuyến cố định được quy định tại Phụ lục 1a của Thông tư này; đối với phương tiện vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch được quy định tại Phụ lục 1b của Thông tư này).

b) Hợp đồng vận tải hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách theo hợp đồng).

3. Đối với phương tiện vận tải hàng hóa, ngoài quy định tại khoản 1 của Điều này phải có thêm các giấy tờ sau:

a) Vận đơn;

b) Tờ khai hải quan đối với hàng hóa;

c) Giấy chứng nhận kiểm dịch động, thực vật.

4. Ngoài giấy phép liên vận, phương tiện vận tải chuyên chở hàng nguy hiểm, hàng có trọng tải hoặc kích thước vượt quá quy định khi vào lãnh thổ của Bên ký kết kia phải được cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó cấp giấy phép lưu hành đặc biệt theo quy định.

Điều 6. Ký hiệu phân biệt quốc gia của phương tiện

Ký hiệu phân biệt quốc gia của Lào là LAO; ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam là VN. Ký hiệu phân biệt quốc gia do cơ quan cấp phép phát hành cùng với việc cấp Giấy phép liên vận. Phương tiện của Việt Nam phải gắn ký hiệu phân biệt quốc gia ở góc phía trên bên phải của kính trước (nhìn từ trong xe).

Mẫu ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

Điều 7. Quy định đối với lái xe

Lái xe điều khiển phương tiện qua lại biên giới phải có các giấy tờ còn hiệu lực sau:

1. Giấy phép lái xe quốc gia hoặc quốc tế phù hợp với loại xe mà mình điều khiển.

2. Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu và thị thực do cơ quan có thẩm quyền cấp (trừ đối tượng được miễn thị thực).

3. Trong trường hợp hộ chiếu của lái xe và Giấy đăng ký phương tiện không do cùng một Bên ký kết cấp thì phải có thêm bản sao có chứng thực Hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm trở lên cùng bản dịch tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng quốc gia của nước đến của lái xe với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao.

Chương III

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT - LÀO

Điều 8. Đối tượng được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào

Đối tượng được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào (Giấy phép) là các doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam đáp ứng yêu cầu sau:

1. Đã hoạt động vận tải trong nước từ 03 năm trở lên; không bị tuyên bố phá sản hoặc không ở trong tình trạng tuyên bố phá sản.
2. Có số lượng phương tiện phù hợp với phương án kinh doanh theo quy định.

Điều 9. Quy định về cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào

1. Cơ quan cấp Giấy phép: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.
2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:
 - a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục 3 của Thông tư này.
 - b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ô tô (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô);
 - c) Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào theo mẫu tại Phụ lục 4 của Thông tư này.
3. Quy định về xử lý hồ sơ:
 - a) Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Tổng cục Đường bộ Việt Nam thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn